

Số: 109/2025/QĐST-HNGĐ

Thủ D, ngày 24 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 110/2025/TLST-VHNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phạm Trần Phi V, sinh năm 1977;

2. Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số B N, khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Trần Phi V và bà Nguyễn Thúy H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2000 ngày 22/5/2000. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do mâu thuẫn giữa ông V và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Phạm Trần Phi V và bà Nguyễn Thúy H có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Chu N, sinh năm 2001. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Trần Phi V và bà Nguyễn Thúy H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: Ông Phạm Trần Phi V và bà Nguyễn Thúy H mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng, phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (14/3/2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Trần Phi V và bà Nguyễn Thúy H.

- Về con chung: Ông Phạm Trần Phi V và bà Nguyễn Thúy H có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Chu N, sinh năm 2001. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Trần Phi V và bà Nguyễn Thúy H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Trần Phi V và bà Nguyễn Thúy H mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0009394 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Lê Văn Thiện